



GIÁO DỤC VĂN HÓA DÂN TỘC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ThS. TRẦN THỊ YÊN

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Giáo dục (GD) là con đường ngắn nhất, nhanh nhất và hiệu quả nhất để cung cấp tri thức khoa học, kĩ năng thực hành và hình thành những phẩm chất năng lực cho người học. Nội dung GD không chỉ cung cấp cho người học kiến thức khoa học của nhân loại mà còn phải cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm của dân tộc về tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội, đặc biệt là văn hóa dân tộc (VHDT). Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã xác định tính chất và nguyên lí GD Việt Nam: Nền GD Việt Nam là nền GD xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Hoạt động GD phải được thực hiện theo nguyên lí học đi đôi với hành, GD kết hợp với lao động sản xuất, lí luận gắn liền với thực tiễn, GD nhà trường kết hợp với gia đình và GD xã hội.

GD tiểu học là cấp học đầu tiên của GD phổ thông. Trong bối cảnh đổi mới GD và đào tạo đòi hỏi thế hệ tương lai phải là những con người phát triển toàn diện. Do đó, đối với GD tiểu học nói chung, GD tiểu học ở vùng dân tộc và miền núi nói riêng, ngoài những kiến thức yêu cầu theo quy định chung, nội dung GD phải gắn với nội dung VHDT, phải truyền tải những nội dung đặc trưng của VHDT nhằm góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc VHDT, làm phong phú thêm nền văn hóa (VH) Việt Nam.

2. GD dân tộc thiểu số (DTTS)

Trong tất cả các xã hội, VH có những đặc trưng phổ biến là cách sử dụng ngôn ngữ, những biểu tượng, các giá trị chuẩn mực, quan hệ sinh sống, giao tiếp, cách đánh giá. Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi nghiên cứu các hiện tượng và giá trị VH ở nhiều dân tộc đã nhận xét: "Vi lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là VH. VH là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm mục đích thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sinh tồn"[1].

Như vậy, VH là toàn bộ những gì tốt đẹp nhất do con người đã sáng tạo ra trong hoạt động của mình. Bản chất của VH là có tính người và tính xã hội của con người. VH là một thực thể sống của con người. Người ta có thể nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy và cảm thấy bằng những cách khác nhau của một nền VH, một thời đại VH, một giá trị VH do con người tạo ra. Có thể nói, VH về bản chất là thể hiện trình độ phát triển của con người. Chỉ có con người mới có các quan hệ VH.

Về bản chất, VH có tính xã hội thông qua các phương thức hoạt động sinh tồn và hoạt động giao tiếp của con người. Song, xã hội và VH không phải là đồng nhất. Xã hội trong cơ cấu của nó là một tập đoàn người, một bộ

tộc, một dân tộc, một tầng lớp, một giai cấp có quan hệ với nhau về mặt sinh tồn và giao tiếp, có các tác động qua lại giữa con người với con người, con người với các công cụ lao động, với giới tự nhiên. Trong các quan hệ xã hội ấy, quan hệ VH lan tỏa vào nhiều lĩnh vực hoạt động sống, hoạt động lao động, hoạt động chính trị, xã hội của con người. VH đã gắn kết các hoạt động của con người. Nó tạo lên tập quán ứng xử, tín ngưỡng, cảm xúc ảnh hưởng đến phản ứng giữa nhóm người này với nhóm người khác.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, mỗi dân tộc có bản sắc VH riêng mang tính tộc người. Bản sắc VH của các dân tộc đã góp phần hình thành nền VH Việt Nam - nền VH thống nhất trong đa dạng.

GD VHDT ở trường tiểu học vùng DTTS là cung cấp cho học sinh (HS) dân tộc những kiến thức, những giá trị VH của các dân tộc. Tạo động lực cho HS DTTS phát triển toàn diện, đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy và phát triển bản sắc VH các dân tộc.

3. GD VHDT ở trường tiểu học vùng DTTS

- VH là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực để phát triển con người và phát triển xã hội. Trẻ em người DTTS sẽ tiếp cận GD và tri thức thuận lợi hơn, nhanh hơn khi các em được GD, trong môi trường VH của dân tộc mình.

Các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam, bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển, nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình [2].

Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc quy định: "... Tiếng nói, chữ viết và truyền thống VH tốt đẹp của các dân tộc được đưa vào chương trình giảng dạy trong các trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm GD thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học phù hợp với địa bàn vùng dân tộc" [3].

Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa GD phổ thông yêu cầu: "... Nâng cao chất lượng GD toàn diện, chú trọng GD lí tưởng, truyền thống VH, lịch sử, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn" [4].

Quyết định 449/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược công tác chiến lược đến năm 2020 quy định bảo tồn và phát huy bản sắc DTTS; Quyết định 2356/QĐ-TTg ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 quy định: "Phát triển toàn diện DTTS thiểu số; chính sách giữ gìn, bảo tồn, tôn vinh và

phát huy bản sắc VH, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS; xây dựng hệ thống thiết chế VH gắn với việc bảo quản, gìn giữ, bảo tồn di tích lịch sử ở từng vùng, từng địa phương; xây dựng nếp sống văn minh, bài trừ mê tín, dị đoan, hủ tục lạc hậu"[5].

Điều 5, Chương 1, Luật GD năm 2009, khẳng định: "Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc DTTS, tiếp thu tinh hoa VH nhân loại"[6].

- Trong trường tiểu học vùng dân tộc và miền núi, GD VHDT nhằm giúp cho HS người dân tộc nhận thức các giá trị VH/VH truyền thống của dân tộc mình, có ý thức về dân tộc, về những giá trị tinh thần và vật chất của dân tộc, về lịch sử, xã hội, về các kinh nghiệm trong cuộc sống. Hình thành ở HS những tình cảm tốt đẹp về VHDT, có tình thương yêu gắn bó với cộng đồng, có ý thức trách nhiệm đối với sự phát triển của quê hương, biết tôn trọng, yêu quý, gìn giữ và phát huy bản sắc VH truyền thống của dân tộc. Hình thành nhân cách con người mới có tri thức và năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới GD và đào tạo.

Mặt khác, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và giao lưu VH giữa các dân tộc, giá trị VH của mỗi dân tộc đều chịu những tác động tích cực và tiêu cực. Tùy thuộc vào thái độ ứng xử và ý thức gìn giữ mà giá trị VH của từng dân tộc được bảo lưu và phát triển khác nhau. VHDT đã có những yếu tố VH được làm giàu, phát triển, nhưng cũng có một số yếu tố VH bị biến dạng, hòa tan mất bản sắc. Do đó, nhiệm vụ cấp thiết là bảo tồn và phát huy giá trị VH của các DTTS thông qua con đường GD.

Như vậy, việc tổ chức GD DTTS cho HS ở các trường phổ thông nói chung, trường tiểu học vùng dân tộc và miền núi nói riêng là phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị VH truyền thống tốt đẹp của các DTTS trong cộng đồng dân tộc Việt Nam; GD HS DTTS thành con người phát triển toàn diện phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

4. Một số biện pháp GD VHDT ở trường tiểu học vùng DTTS

4.1. Xây dựng các nội dung GD VHDT

a) Về mục tiêu

- *Kiến thức:* HS có được những kiến thức, hiểu biết cơ bản về VH của các dân tộc ở địa phương.

- *Kĩ năng:* HS nhận biết được những VH tốt đẹp của các dân tộc để phát huy, bảo tồn và từng bước hạn chế hoặc xóa bỏ những yếu tố lạc hậu, hủ tục; bước đầu có khả năng tiếp cận, khai thác tri thức và vốn VH của địa phương để tiếp thu, vận dụng trong quá trình học tập cũng như nghề nghiệp và cuộc sống sau này.

- *Thái độ:* HS có thái độ yêu quý, tự hào về VH tốt đẹp của dân tộc mình; có ý thức gìn giữ và phát huy những nét đẹp VH của dân tộc mình; tôn trọng VH tốt đẹp của các dân tộc khác.

b) Về nội dung

- GD HS về truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, bản sắc VH của các DTTS.

- Tổ chức đời sống nội trú cho những lớp/trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học với các truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam.

- Tổ chức dạy học và các hoạt động GD về VH các DTTS ở địa phương.

- Tổ chức các hoạt động VH, văn nghệ, thể dục, thể thao, các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm; tham gia các lễ hội, tết dân tộc, giao lưu VH và các hoạt động xã hội khác.

c) Về thời lượng

- Tùy theo đặc điểm tình hình của mỗi trường/địa phương để phân bổ thời lượng phù hợp.

- Ở tiểu học, nếu dạy học ít hơn 10 buổi/tuần thì điều chỉnh chương trình bằng cách cắt giảm bớt hoặc không có nội dung hoạt động trải nghiệm sáng tạo (bao gồm nhiều nội dung trong đó có nội dung GD VHDT) và tự học có hướng dẫn.

d) Về đánh giá

Đánh giá năng lực của HS từ hoạt động ngoài giờ chính khóa/hoạt động trải nghiệm sáng tạo chủ yếu bằng phương pháp định tính thông qua quan sát hành vi, bảng kiểm và hồ sơ hoạt động,... kết hợp với phương pháp định lượng như tự luận, trắc nghiệm khách quan,...

4.2. Hình thức GD VHDT

GD VHDT ở trường tiểu học vùng dân tộc và miền núi được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau, chúng tôi đưa ra hai hình thức sau:

a) Tích hợp vào các môn học trong giờ học chính khóa

GD VHDT được thực hiện theo phương thức tích hợp trong giờ học chính khóa. Nội dung GD bao gồm các kiến thức về VHDT thể hiện trong các môn học và thông qua việc hướng dẫn, thực hành nội dung bài học mà giáo viên (GV) giúp HS nhận thức và vận dụng kiến thức VHDT.

Việc tích hợp kiến thức VHDT trong các môn học được thể hiện ba mức độ tạo dựng: Mức độ tạo dựng toàn phần, mức độ tạo dựng bộ phận, mức độ tạo dựng liên hệ.

- *Mức độ tạo dựng toàn phần:* Mục tiêu và nội dung bài học hoặc chương trình học hoàn toàn phù hợp với mục tiêu và nội dung của GD VHDT.

Sử dụng hoàn toàn một sản phẩm VH đưa vào trong giờ dạy để thực hiện một nội dung GD. Việc vận dụng hoàn toàn có ưu điểm là tạo dựng lại một sản phẩm VH hoàn chỉnh, giúp HS nhận biết đầy đủ, được tham gia vào hoạt động, được sống, hóa thân với sản phẩm VH đó. Tuy nhiên, vận dụng hoàn toàn đòi hỏi sự đầu tư, chuẩn bị công phu và có thể phức tạp và tốn kém. *Ví dụ:* Bài học giới thiệu một vài nhạc cụ dân tộc (môn Âm nhạc, lớp 4), có thể sử dụng nhạc cụ của các DTTS tại địa phương như cồng, chiêng, đàn T'rưng, khèn,... để giới thiệu cho HS hoặc mời các nghệ nhân, già làng trưởng bản tham gia trong hoạt động giới thiệu các nhạc cụ này.

- *Mức độ tạo dựng bộ phận:* Chỉ một bộ phận bài học có mục tiêu và nội dung của GD DTTS. Sử dụng một phần sản phẩm VH đưa vào trong giờ dạy để thực hiện một nội dung GD. Cách thức này có mặt hạn chế là HS chưa nhận biết đầy đủ hiện tượng, sản phẩm VH, nên sự hiểu biết chưa toàn diện, chưa sâu sắc. Tuy nhiên, hình thức này ít tốn kém và dễ thực hiện. *Ví dụ:* Bài học về Các dân tộc, sự phân bố dân cư (Địa Lí-lớp 4), trong phần giới thiệu các dân tộc có thể yêu cầu một nội dung nhận biết một số dân tộc qua tranh phục qua tranh/hình ảnh hoặc đồ vật thật.

- *Mức độ tạo dựng liên hệ:* Các kiến thức GD VHDT không được nêu rõ trong sách giáo khoa, nhưng dựa

vào kiến thức bài học, GV có thể bổ sung các kiến thức đó bằng cách liên hệ, so sánh các kiến thức VHDT (hiện tượng, giá trị, thực trạng VHDT,...) vào bài giảng một cách hợp lí. Ví dụ: Bài học về Chào hỏi, tự giới thiệu (tiếng Việt 2), có thể liên hệ với VH chào hỏi, giới thiệu của một số dân tộc tại địa phương.

Việc tích hợp DTTS có thể thực hiện ở tất cả các môn học của tiểu học. Tuy nhiên, cũng có môn có khả năng tích hợp nhiều kiến thức DTTS như: Tiếng Việt, Tự nhiên - Xã hội, Lịch sử- Địa Lí, Âm nhạc, Thể dục,...

b) Thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo

GD DTTS qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo có khả năng thu hút sự tham gia, phối hợp, liên kết nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường như: GV chủ nhiệm, GV các môn tự chọn, tổng phụ trách Đội, ban giám hiệu nhà trường, cha mẹ HS, cộng đồng, các nhà hoạt động xã hội, những nghệ nhân già làng, trưởng bản, những người lao động tiêu biểu ở địa phương,... Một số hình thức tổ chức GD nội dung DTTS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo như: (1) *Lồng ghép vào hoạt động học tập, sinh hoạt*; (2) *Tổ chức các hoạt động giới thiệu về DTTS*; (3) *Tổ chức hoạt động trình diễn*; (4) *Tổ chức cho HS đi tham quan*; (5) *Tổ chức sưu tầm, bảo lưu*.

Ví dụ: Gợi ý hướng dẫn GD VHDT qua hoạt động giới thiệu/trình diễn VHDT.

a) Mục tiêu

- HS chọn và giới thiệu được nét/ sản phẩm VH đặc sắc của VHDT (có thể của dân tộc mình hoặc dân tộc khác).

- Hình thành kĩ năng hợp tác làm việc nhóm, kĩ năng trình bày, giới thiệu.

- Yêu quý, tôn trọng nét đẹp VH của dân tộc mình và các dân tộc khác.

b) Phạm vi, quy mô: Từng lớp hoặc toàn trường (có thể mời cha mẹ HS, nghệ nhân, già làng hoặc các khách mời khác,...).

c) Các hoạt động chính

(1) Trước khi thực hiện hoạt động (bước chuẩn bị)

- GV hướng dẫn HS thảo luận để tìm ra những nội dung thể hiện bản sắc VH của các dân tộc ở địa phương (ví dụ: Trang phục, nhạc cụ, điệu múa, món ăn,...). Có thể giao việc để HS về nhà hỏi cha/mẹ, họ hàng, già làng/trưởng bản,... Sau đó, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (có thể nhóm cùng dân tộc hoặc nhóm cùng yêu thích một sản phẩm/nét VH nào đó).

- Các nhóm chọn nét/sản phẩm VH của một dân tộc và chọn hình thức trình bày, giới thiệu cho mọi người cùng hiểu về sản phẩm VH đó.

- Hình thức trình diễn, giới thiệu: Có thể là thuyết trình, diễn tiểu phẩm, hát, múa,...

Thời gian dành cho công việc chuẩn bị này có thể 2- 4 tuần tùy thuộc vào hình thức, mức độ đơn giản hay phức tạp của hoạt động giới thiệu VH mà HS lựa chọn.

(2) Trong khi thực hiện hoạt động (quá trình diễn ra hoạt động)

- Lần lượt mỗi nhóm sẽ giới thiệu/trình diễn. Phần trình bày cần giúp người nghe, người xem hiểu được: Tên của sản phẩm/nét VH? (ví dụ: Tên của một bài hát, tên điệu múa, tên món ăn,...); sản phẩm của dân tộc nào? Đặc điểm/nội dung/nét đặc trưng cơ bản?

- Tổ chức cho HS hỏi - đáp, nhận xét sau mỗi phần

trình bày và rút ra những điều thú vị, ấn tượng về các sản phẩm VH.

(3) Sau khi diễn ra hoạt động (kết thúc hoạt động)

- Tổ chức để HS ghi chép, trưng bày hình ảnh, hiện vật hoặc giới thiệu lại cho nhiều người khác cùng biết về các sản phẩm đã được trình bày.

- Hướng dẫn HS tiếp tục sưu tầm, giới thiệu sản phẩm VH của các dân tộc khác.

5. Kết luận

GD VHDT trong nhà trường tiểu học ở vùng DTTS là nhiệm vụ cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển GD toàn diện cho HS nói chung và HS DTTS nói riêng theo tinh thần đổi mới căn bản toàn diện GD và đào tạo. Trên cơ sở đó, cần xây dựng các nội dung GD VHDT phù hợp, làm căn cứ để thực hiện GD VHDT cho HS ở vùng dân tộc và miền núi thông qua các hình thức khác nhau như hoạt động trải nghiệm sáng tạo/hoạt động ngoài giờ chính khóa, tích hợp trong các giờ học chính khóa,... giúp HS DTTS hiểu và thêm yêu quý VH tốt đẹp của dân tộc mình và các dân tộc khác, góp phần giữ gìn và bảo tồn VH các DTTS Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phạm Duy Đức, *Quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng con người trong giai đoạn mới*.

[2]. *Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Cổng thông tin điện tử Chính phủ ngày 11/12/2013.

[3]. *Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2011 về Công tác dân tộc*.

[4]. *Nghị quyết 88/2014/QH13 về Đổi mới chương trình, sách giáo dục phổ thông*.

[5]. *Quyết định 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013, phê duyệt Chiến lược công tác chiến lược đến năm 2020*.

[6]. *Luật Giáo dục năm 2009*.

[7]. *Dự thảo đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, tháng 3, năm 2015.

[8]. Nguyễn Thị Thu Huyền, (2012), *Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lí trường phổ thông dân tộc bán trú*.

[9]. Phạm Duy Đức, *Quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng con người trong giai đoạn mới*.

[10]. *Quyết định 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 về Phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.

[11]. *Quyết định 2356/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2013, ban hành chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*.

SUMMARY

Referring to primary education in general and primary education in ethnic minority and mountainous areas in particular, besides the required knowledge, the educational contents must be linked to ethnic culture, to transfer the typical content of ethnic culture, contributing to preserving, promoting ethnic identity and enriching Vietnamese culture. The article mentioned contents: 1/ Educate ethnic culture; 2/ Educate ethnic culture in ethnic primary schools; 3/ Some solutions to instruct educate ethnic culture in ethnic primary schools

Keywords: Culture; educate ethnic culture; ethnic minority; primary education.